

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Ngày 31/12/2025	9,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.2%	-6.2%	-5.2%

DT thuần Q4/25
42.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.8 -21.9%
YoY: ▲ 9.30 28.4%

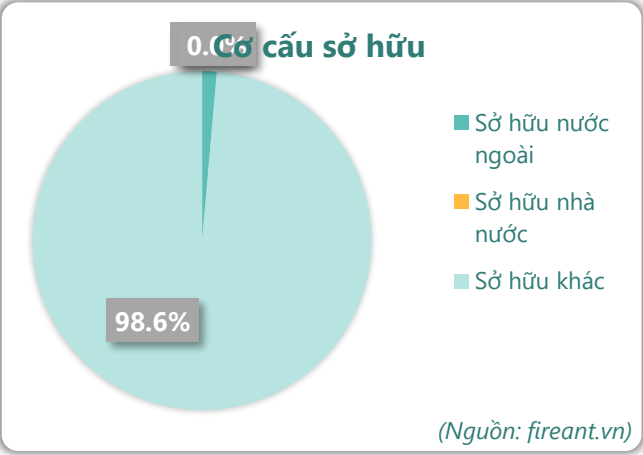
LN thuần Q4/25
8.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.53 -6.0%
YoY: ▲ 9.35 1005%

LN sau thuế Q4/25
6.93
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.50 -6.8%
YoY: ▲ 8.90 452%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
14.1%
YoY: +/-▲ 9.3%

ROE 2025
5.8%
YoY: +/-▲ 4.5%

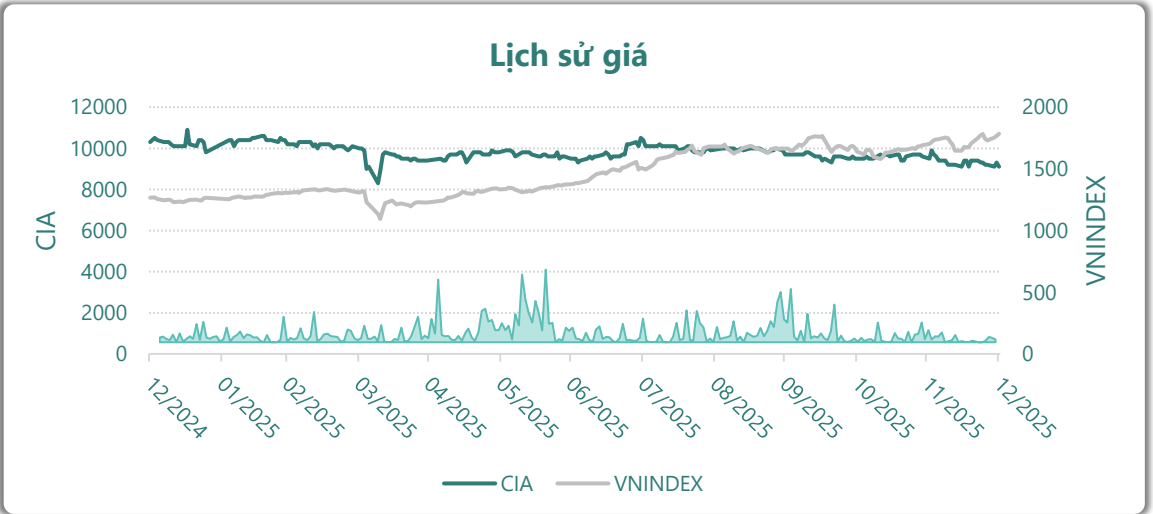
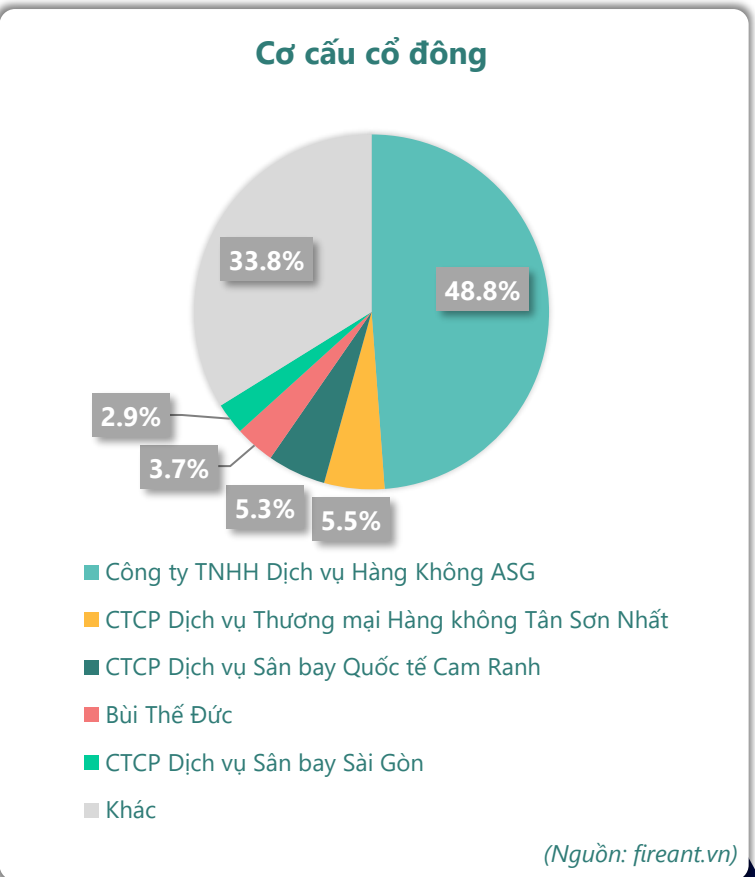
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	170
Số lượng CPLH (CP)	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,635
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.30
EPS	1,059
P/E	8.6



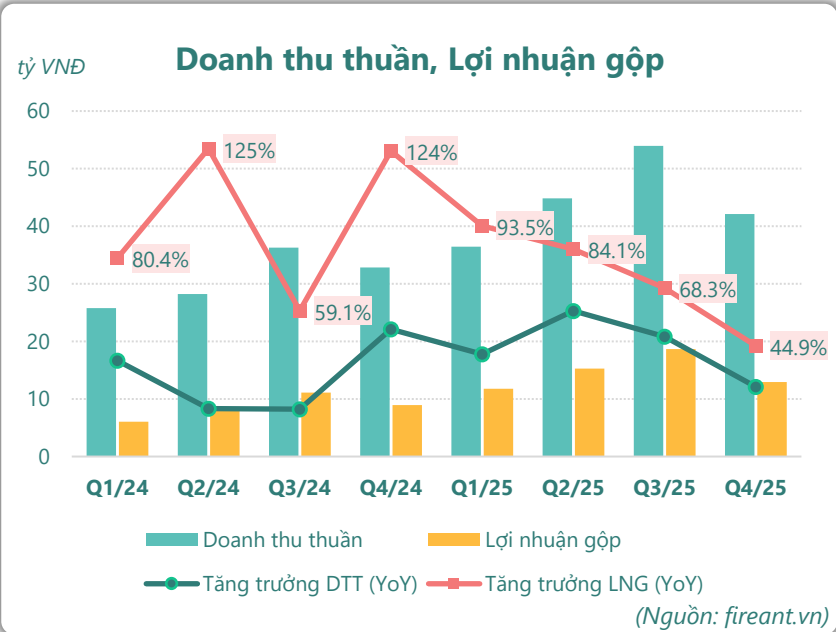
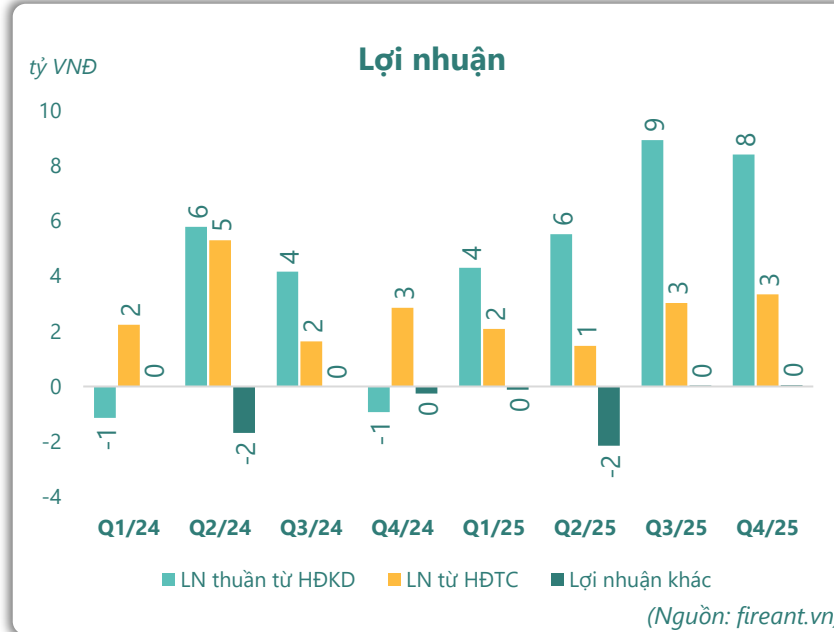
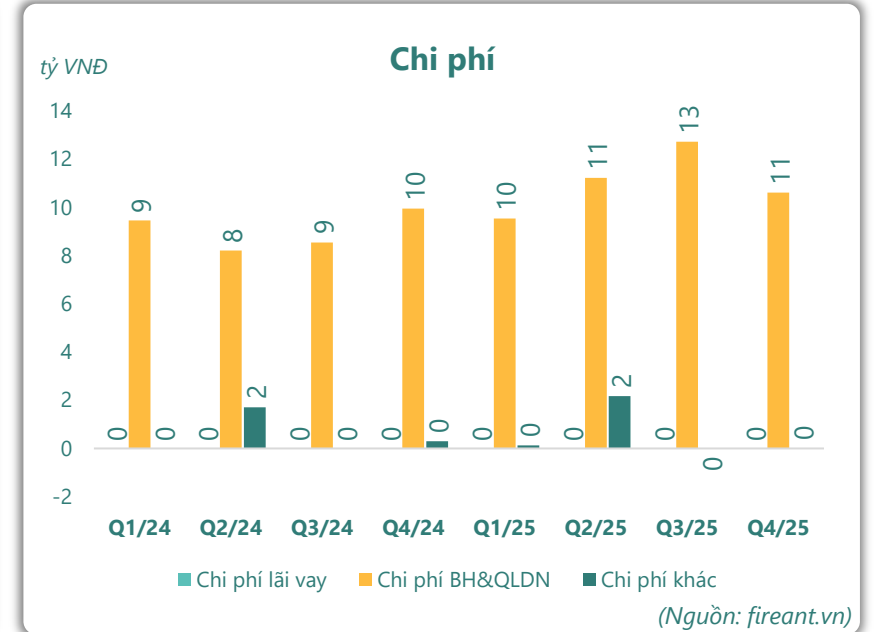
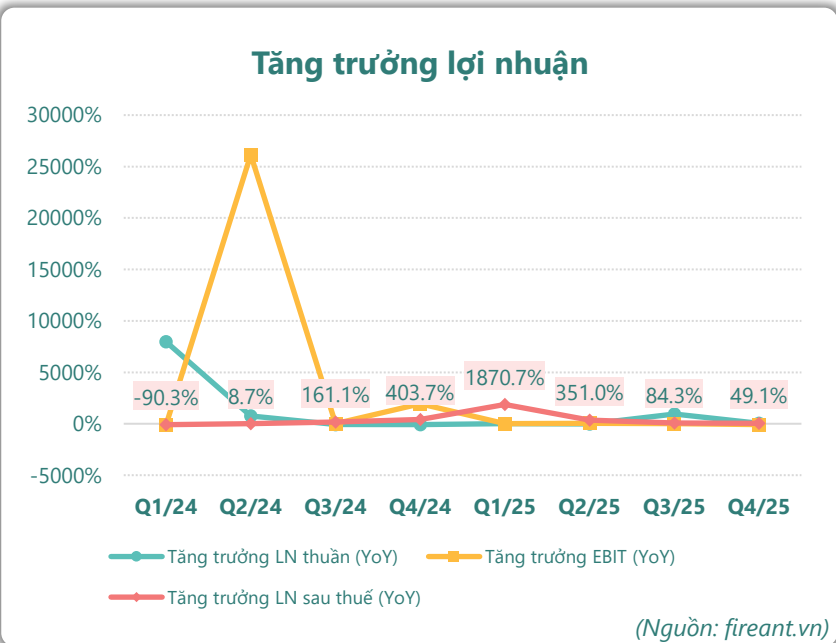
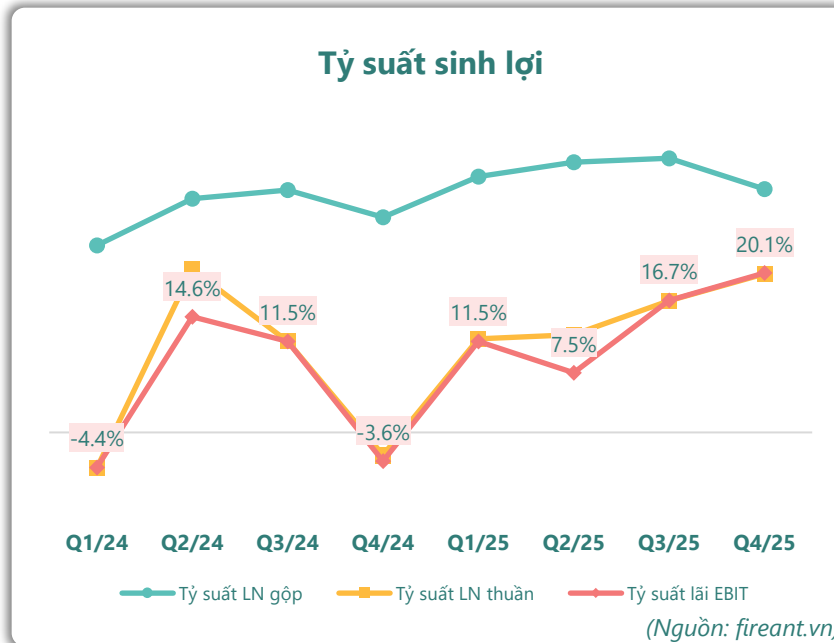
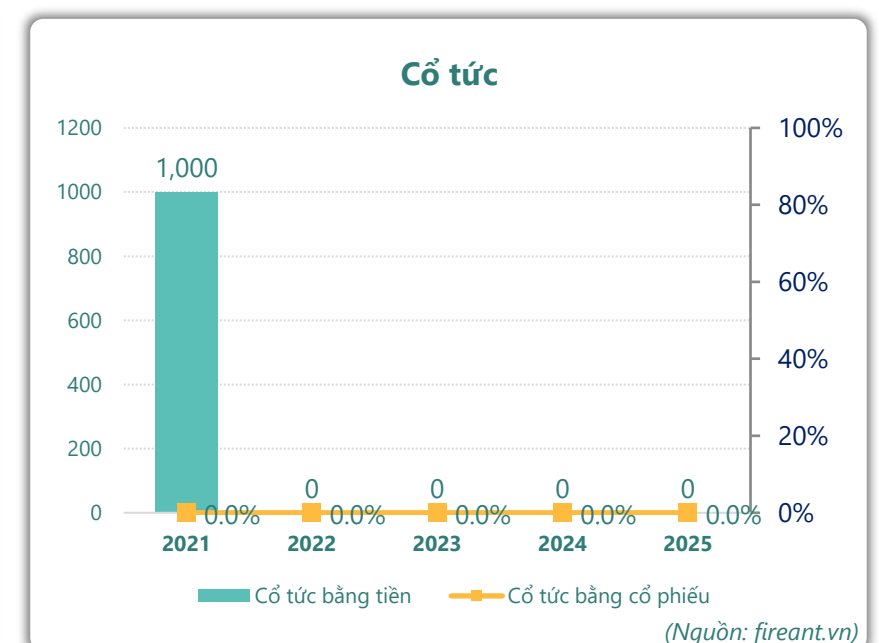
DT thuần 2025
177
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0 44.1%

LN thuần 2025
27.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.3 245%

LN sau thuế 2025
19.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.3 337%



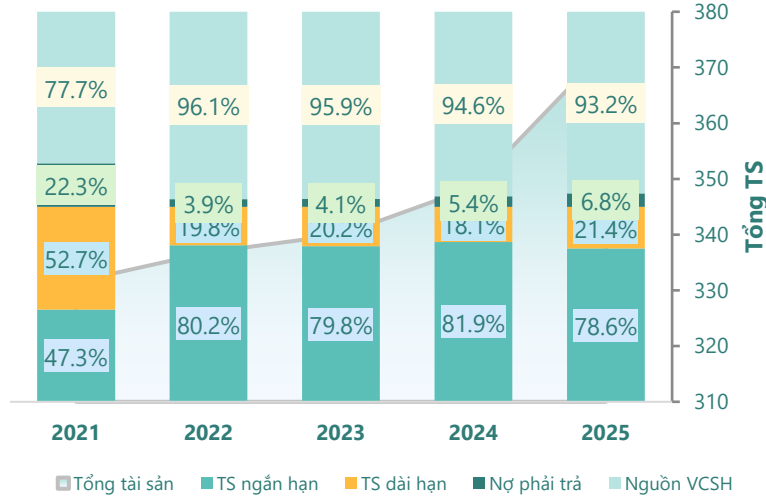
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

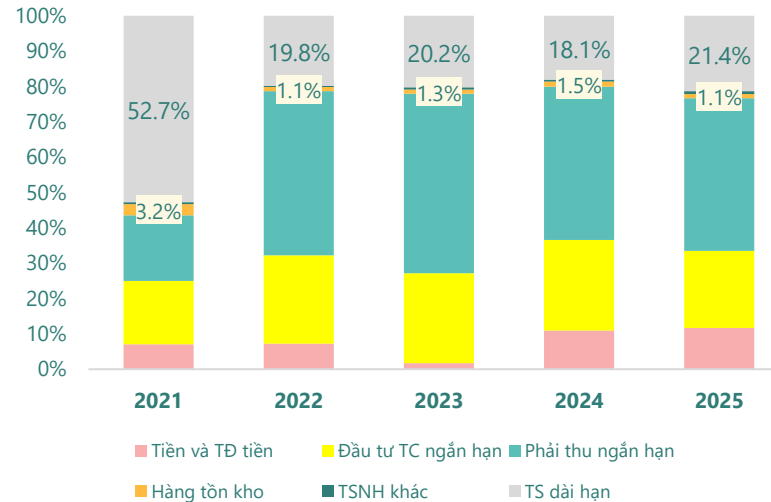
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

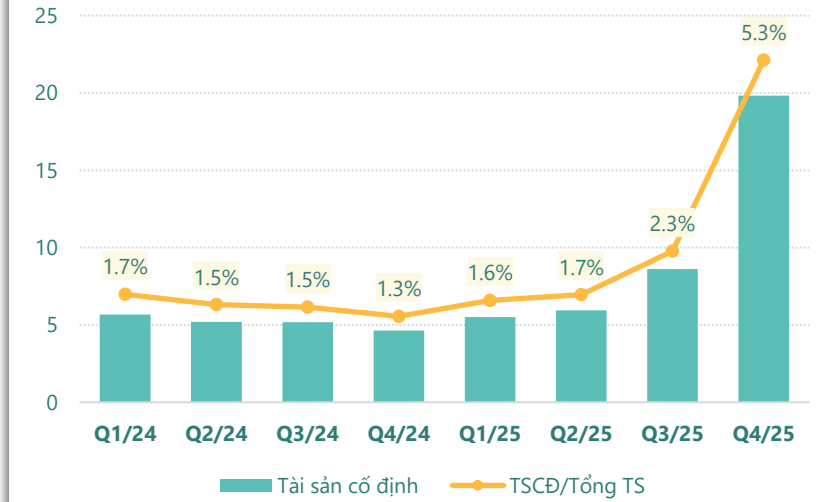
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

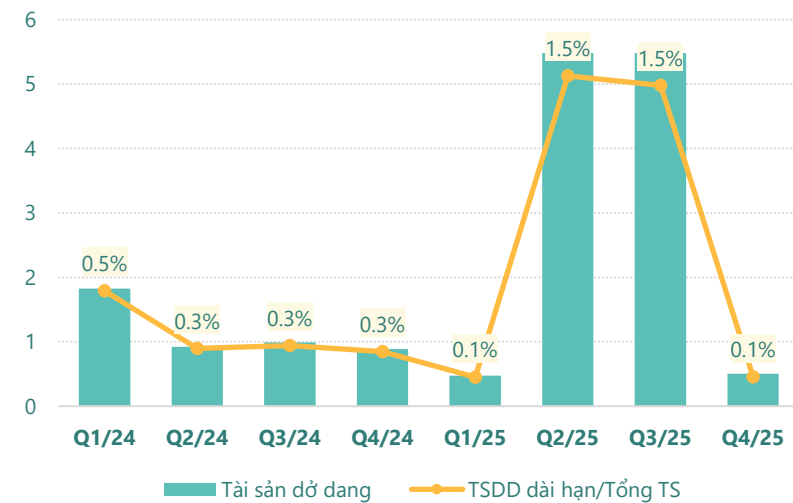
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

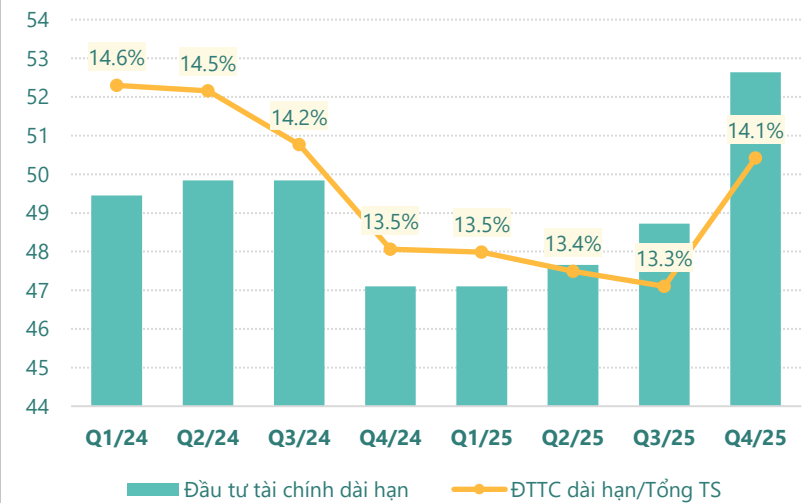
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

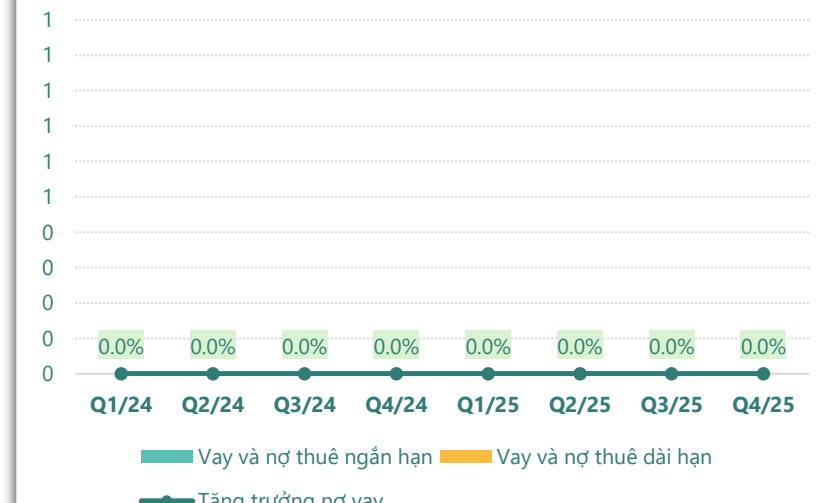
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

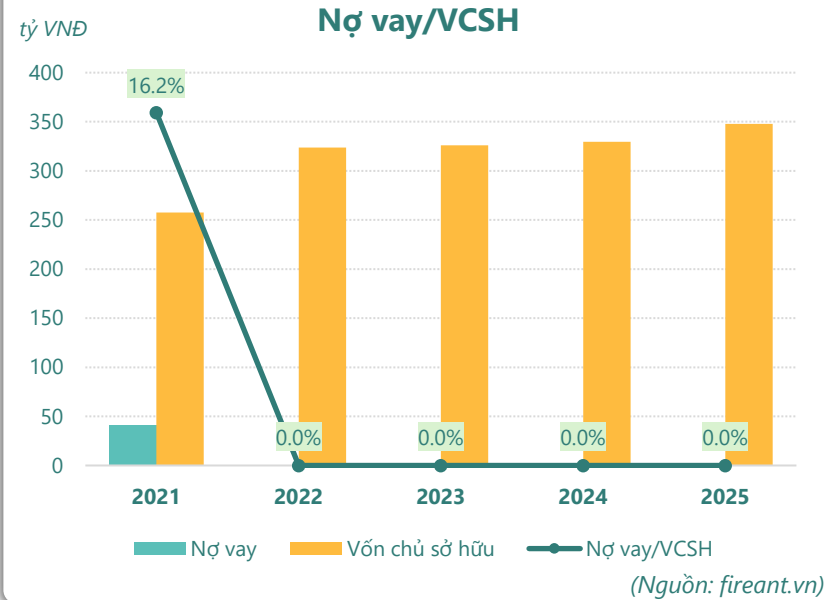
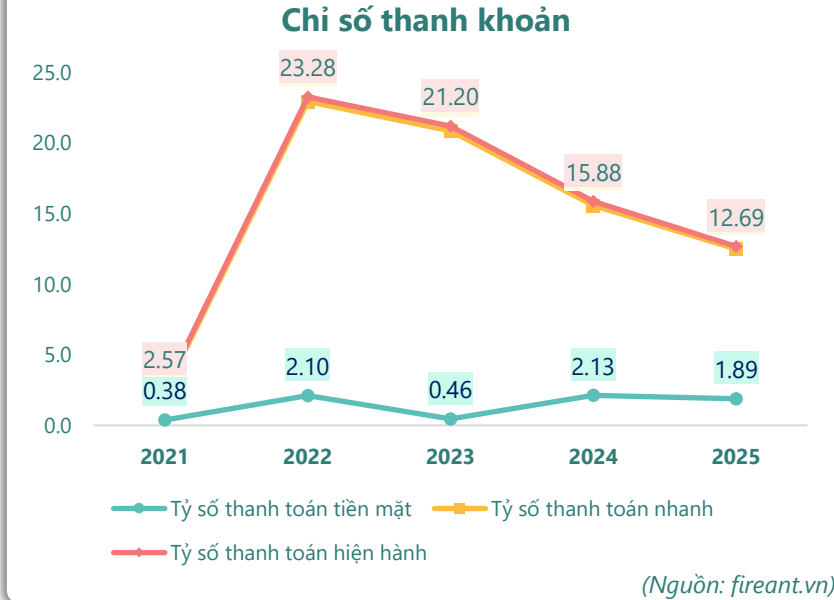
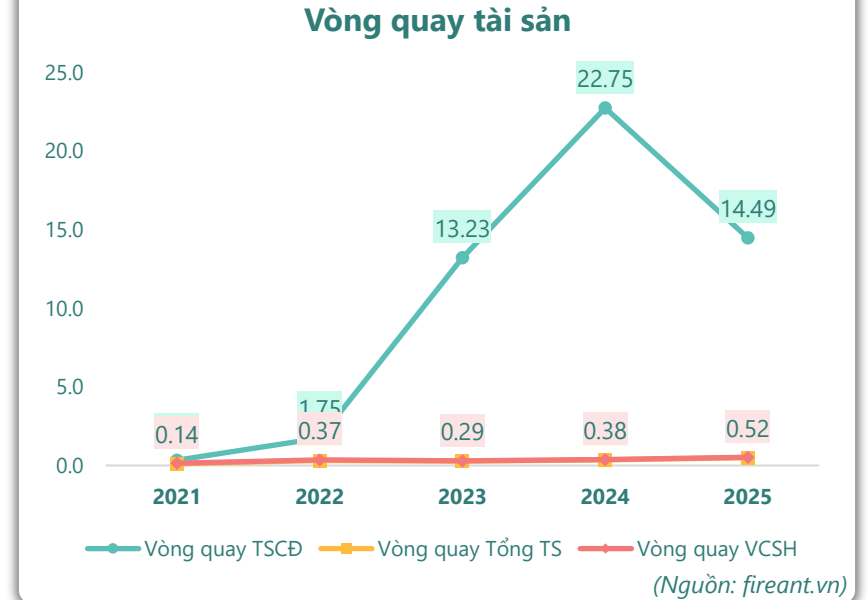
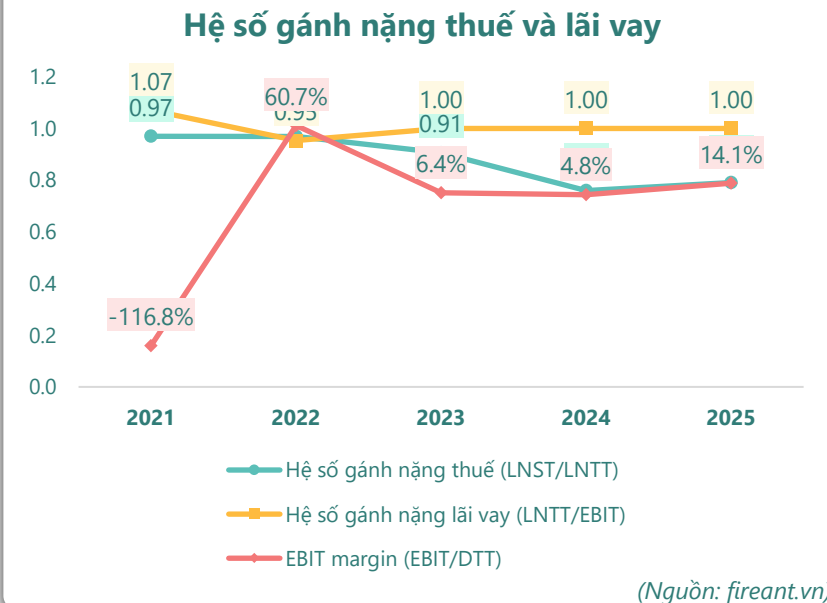
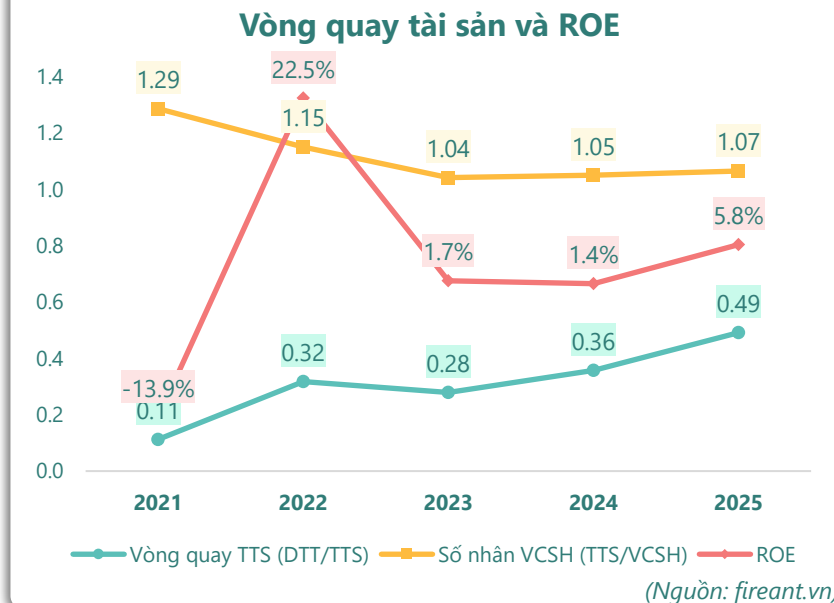
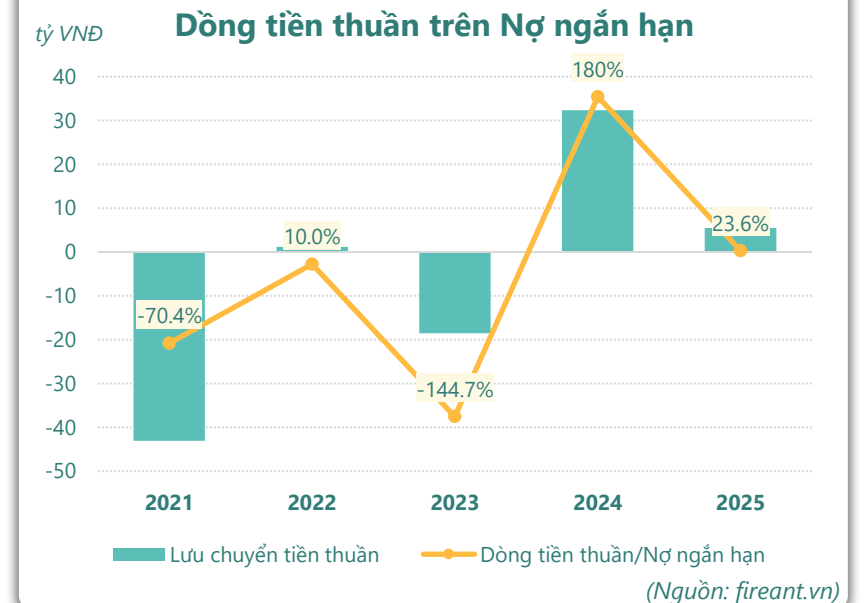
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	42.1	32.8	28.4%	177	123	44.1%
Giá vốn hàng bán	29.2	23.9	22.2%	119	88.7	33.9%
Lợi nhuận gộp	12.9	8.91	45.0%	58.6	34.4	70.5%
Doanh thu HĐTC	2.24	1.68	33.2%	11.0	9.14	20.4%
Chi phí TC	-1.10	-1.17	5.8%	1.08	-2.89	137%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	2.78	-2.74	201%	2.78	-2.35	218%
Chi phí bán hàng	3.35	3.75	-10.6%	18.3	16.3	12.6%
Chi phí QLDN	7.26	6.21	17.0%	25.8	19.9	29.6%
LN thuần từ HĐKD	8.42	-0.93	1005%	27.2	7.89	245%
Lợi nhuận khác	0.05	-0.26	118%	-2.19	-1.93	-13.5%
LN trước thuế	8.46	-1.19	811%	25.0	5.96	320%
Lợi nhuận sau thuế	6.93	-1.97	452%	19.8	4.52	337%
LNST của CĐ cty mẹ	6.93	-1.97	452%	19.8	4.52	337%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.4	-14.0	17.1	-11.4	9.29	7.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	49.9	-35.1	0.75	-10.8	-1.54	-4.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0.00	-0.01	0	0.00	0.00
Tiền đầu kỳ	26.0	87.3	38.3	56.1	33.9	41.7
Lưu chuyển tiền thuần	61.3	-49.1	17.8	-22.2	7.75	2.08
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.10	0.01	0.06	-0.02	-0.09
Tiền cuối kỳ	87.3	38.3	56.1	33.9	41.7	43.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	373	349	7.1%
Tài sản ngắn hạn	293	286	2.8%
Tiền và tương đương tiền	43.7	38.3	14.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	81.2	89.3	-9.1%
Phải thu ngắn hạn	161	151	6.9%
Hàng tồn kho	4.19	5.24	-20.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	1.79	71.4%
Tài sản dài hạn	79.7	63.0	26.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	19.8	4.65	326%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.51	0.89	-42.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	52.6	47.1	11.7%
Tài sản dài hạn khác	6.76	10.4	-34.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.4	19.0	33.7%
Nợ ngắn hạn	23.1	18.0	28.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.73	8.76	-11.7%
Nợ dài hạn	2.27	1.01	125%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	348	330	5.5%
Vốn chủ sở hữu	348	330	5.5%
Vốn điều lệ	187	197	-5.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

